

*

Số 09-QĐ/TU

BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 5-90

ĐẾN Ngày: 25/7/16

Chuyên: ?

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành "Quy định tiêu chuẩn khám, điều trị bệnh cho cán bộ trung cao của Tỉnh"

- Căn cứ các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Hướng dẫn số 52-HD/BTCTW, ngày 02/12/2005 của Ban Tổ chức Trung ương "Về việc điều chỉnh, bổ sung đối tượng khám chữa bệnh tại một số cơ sở y tế của Trung ương";
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2015 - 2020;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh,

**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định tiêu chuẩn khám, điều trị bệnh cho cán bộ trung cao của Tỉnh".

Điều 2. Việc cấp mới thẻ khám, điều trị bệnh cho cán bộ trung cao của Tỉnh phải đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn được nêu trong Quy định. Thẻ khám, điều trị bệnh cho cán bộ trung cao đã cấp trước đây sẽ hết thời hạn sử dụng kể từ ngày 31/12/2016.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các quy định trước đây có nội dung trái với quy này đều bãi bỏ.

Điều 3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn trực thuộc Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban BVCSSKCB Trung ương;
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và Đoàn thể tỉnh;
- Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- Lưu VPTU.

T. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

**TỈNH ỦY
BÌNH DƯƠNG**

Phạm Văn Cảnh

QUY ĐỊNH
tiêu chuẩn khám, điều trị bệnh cho cán bộ trung cao của Tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 209 -QĐ/TU, ngày 22/7/2016
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng, nguyên tắc thực hiện:

1. Phạm vi áp dụng:

Quy định này áp dụng tiêu chuẩn, chế độ ưu đãi khám, chữa bệnh cho các đối tượng cán bộ đương chức và nguyên chức:

- Cán bộ của tỉnh Bình Dương; cán bộ tỉnh Thủ Dầu Một, tỉnh Thủ Biên, Phân khu V; Ban Thường vụ, Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Sông Bé; các đồng chí là cán bộ Tỉnh Sông Bé trước đây, sau khi tách tỉnh, được chuyển công tác đến Tỉnh Bình Phước, nay đã nghỉ hưu giữ các chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên, thường trú tại Bình Dương.

- Cán bộ của các cơ quan ngành dọc do Trung ương quyết định đang công tác tại Tỉnh.

- Cán bộ của các cơ quan Trung ương nghỉ hưu, thường trú tại Bình Dương.

2. Nguyên tắc thực hiện:

- Trường hợp cán bộ đảm nhiệm nhiều chức vụ thì lấy chức vụ có mức hưởng cao nhất để thực hiện.

- Nếu cùng một chính sách cho cùng một đối tượng mà có sự trùng lặp giữa Trung ương với Tỉnh, thì áp dụng chính sách của Trung ương, không áp dụng chính sách của Tỉnh.

- Ưu tiên đối tượng là cán bộ của tỉnh giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ chốt và một số đối tượng có nhiều đóng góp, cống hiến cho Tỉnh đã được cấp có thẩm quyền xem xét công nhận.

- Việc xác định chức vụ tương đương hoặc các đối tượng đặc biệt khác để giải quyết chính sách sẽ do Ban Tổ chức Tỉnh ủy đề xuất để Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đương chức là chức vụ cán bộ đang đảm nhiệm được xác định tại thời điểm để thực hiện chính sách đối với cán bộ đó.

2. Nguyên chức là chức vụ cao nhất mà cán bộ đã đảm nhiệm trước khi nghỉ hưu.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Nhóm cán bộ của Tỉnh:

1. Cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý: Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh, Trưởng đoàn Đại biểu quốc hội Tỉnh, Sĩ quan lực lượng vũ trang có quân hàm từ thiếu tướng trở lên.

2. Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt nam Tỉnh, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội Tỉnh chuyên trách.

4. Tỉnh ủy viên.

5. Lãnh đạo cấp Trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể Chính trị - Xã hội tỉnh và tương đương; Bí thư các đảng ủy trực thuộc tỉnh; các Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc các Tổng công ty TNHH một thành viên do tỉnh quyết định thành lập.

6. Lãnh đạo cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể Chính trị - Xã hội tỉnh và tương đương; các Phó Bí thư các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy; Phó Trưởng các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Đại biểu Quốc hội của Tỉnh; Phó chủ tịch Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc các Tổng công ty TNHH một thành viên do tỉnh quyết định thành lập; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc các công ty có vốn thuộc sở hữu vốn Nhà nước 100%; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc các công ty có vốn thuộc sở hữu nhà nước trên 50% do tỉnh cử người tham gia giữ các chức vụ trên.

7. Cán bộ, công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương; Ủy viên Ban Thường vụ cấp huyện và tương đương, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc cấp huyện, được xếp ngạch chuyên viên chính và tương đương, có hệ số lương từ bậc 2 (4,74) trở lên đối với nam, bậc 1 (4,40) trở lên đối với nữ.

8. Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ trưởng, phó phòng thuộc các sở, ban, ngành cấp Tỉnh, cấp ủy viên cấp huyện và tương đương được xếp ngạch chuyên viên chính và tương đương, có hệ số lương bậc 3 (5,08) trở lên đối với nam, bậc 2 (4,74) trở lên đối với nữ.

9. Cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 01/1945 hay còn gọi là cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ hoạt động cách mạng từ tháng 01/1945 đến ngày 19/8/1945 hay còn gọi là cán bộ tiền khởi nghĩa; cán bộ, công chức, viên chức công tác trong hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương được tặng huy hiệu 50 tuổi Đảng trở lên; Bà mẹ Việt Nam anh hùng, chồng của Mẹ Việt Nam anh hùng là người trực tiếp nuôi dưỡng liệt sỹ; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động; Thầy thuốc nhân dân; nhà giáo nhân dân; nghệ sĩ nhân dân; một số nhân sĩ và trí thức tiêu biểu do Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt nam Tỉnh đề xuất để Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

10. Cán bộ hưu, cán bộ được tặng huy hiệu 50 năm tuổi đảng trở lên, thương binh $\frac{1}{4}$ đã được cấp thẻ khám, điều trị bệnh theo quyết định số 470-QĐ/TU, ngày 15 tháng 6 năm 2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

11. Cán bộ công chức, viên chức được xếp ngạch chuyên viên chính có hệ số lương bậc 5 (5,76) trở lên đối với nam, bậc 4 (5,42) trở lên đối với nữ đã được cấp thẻ khám, điều trị bệnh theo quyết định số 470-QĐ/TU, ngày 15 tháng 6 năm 2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nhóm cán bộ của các cơ quan ngành dọc do Trung ương quyết định đang công tác tại tỉnh.

12. Cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo cấp Trưởng cấp Cục, Viện, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh, các cơ quan cấp Tỉnh và tương đương.

13. Cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo cấp phó cấp Cục, Viện, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh, các cơ quan cấp Tỉnh và tương đương được xếp ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên, có hệ số lương từ bậc 2 (4,74) trở lên đối với nam, bậc 1 (4,40) trở lên đối với nữ.

14. Giám đốc các chi nhánh Ngân hàng thương mại Nhà nước, Ngân hàng thương mại cổ phần, Ngân hàng chính sách xã hội cấp Tỉnh có vốn Nhà nước chi phối, Giám đốc các doanh nghiệp cấp Tỉnh và tương đương.

Nhóm cán bộ của các cơ quan Trung ương nghỉ hưu, thường trú tại Bình Dương

15. Cán bộ cao cấp (*hàm thứ trưởng và tương đương trở lên*); cán bộ cấp Tướng trong lực lượng vũ trang nhân dân.

16. Cán bộ lãnh đạo cấp trưởng cấp Cục, Vụ, Viện của các cơ quan Trung ương.

17. Cán bộ lãnh đạo cấp phó cấp Cục, Vụ, Viện của các cơ quan Trung ương được xếp ngạch lương chuyên viên chính và tương đương trở lên, có hệ số lương từ bậc 3 (5,08) trở lên đối với nam, bậc 2 (4,74) trở lên đối với nữ.

* **Điều kiện:** Phải có một trong 03 thẻ khám chữa bệnh của Bệnh viện tuyến Trung ương: Bệnh viện Hữu nghị Hà Nội, Bệnh viện C Đà Nẵng, Bệnh viện Thống Nhất TP Hồ Chí Minh và phải có giấy giới thiệu của Trưởng Ban BVCSSK cán bộ Tỉnh nơi chuyển đi.

Chương II

KIỂM TRA SỨC KHỎE, ĐĂNG KÝ KHÁM, ĐIỀU TRỊ BỆNH BAN ĐẦU

Điều 4. Kiểm tra sức khỏe

1. Kiểm tra sức khỏe định kỳ (*mỗi năm 1 lần*).

1.1) Đối tượng đương chức tại Khoản 1 Điều 3: Kiểm tra sức khỏe tại Bệnh viện Thống nhất TP. HCM.

1.2) Đối tượng nguyên chức tại khoản 1; đương chức và nguyên chức tại khoản 2, 3, 4, 5; đương chức tại khoản 6, 7, 8, 11, 12, 13, 14 và tại khoản 15, 16, 17 của Điều 3: Kiểm tra sức khỏe tại Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe (BVCSK) cán bộ Tỉnh.

1.3) Các đối tượng còn lại kiểm tra sức khỏe tại Ban BVCSK cán bộ cấp huyện.

1.4) Mức chi, nguồn kinh phí:

- Đối tượng tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 4: Mức chi thực hiện theo quy định của Trung ương và do Trung ương bảo đảm nguồn kinh phí.

- Đối tượng tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 4: Mức chi cụ thể thực hiện theo Kế hoạch của Tỉnh do Ban BVCSK cán bộ tỉnh đề xuất. Nguồn kinh phí: do ngân sách tỉnh bảo đảm. Trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương tự tổ chức cho đối tượng đương chức kiểm tra sức khỏe thì cơ quan, đơn vị, địa phương phải có kế hoạch và lập dự toán để được cấp phát và quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước về phân cấp quản lý ngân sách.

- Đối tượng tại điểm 1.3 khoản 1 Điều 4: Mức chi cụ thể thực hiện theo Kế hoạch của huyện do Ban BVCSK cán bộ cấp huyện đề xuất.

2. Kiểm tra sức khỏe trước khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử lần đầu.

- Đối tượng áp dụng: cán bộ trước khi được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử hoặc đề nghị chỉ định vào các chức danh nêu tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 3 phải được kiểm tra sức khỏe tại Bệnh viện đa khoa Tỉnh hoặc cơ sở y tế có chức năng kiểm tra sức khỏe tương đương trở lên.

- Kinh phí: Theo chứng từ của cơ quan y tế, do cơ quan đang sử dụng cán bộ cấp và quyết toán theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 5. Đăng ký khám, điều trị bệnh ban đầu

1. Tất cả đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và đương chức tại khoản 7, 8, 11 của Điều 3 được đăng ký khám, điều trị bệnh ban đầu tại Ban BVCSK cán bộ Tỉnh.

2. Đối tượng nguyên chức tại khoản 7, 8, 11 và đối tượng tại khoản 10 Điều 3 đăng ký khám, điều trị bệnh ban đầu tại ban BVCSK cán bộ cấp huyện nơi có hộ khẩu thường trú.

3. Các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này có thể đăng ký nơi khám và điều trị ban đầu tại Ban BVCSK cán bộ cấp huyện nếu cá nhân thấy thuận tiện và có yêu cầu.

4. Kinh phí: do Bảo hiểm y tế bảo đảm và được ngân sách Tỉnh hỗ trợ đồng chi trả.

Chương III
HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ BỆNH, ĐIỀU TRỊ BỆNH HIỂM NGHÈO,
THĂM BỆNH

Điều 6. Hỗ trợ điều trị bệnh

1. Ngoài chính sách chung thực hiện theo quy định của Trung ương, các đối tượng dưới đây khi điều trị nội trú tại tất cả các bệnh viện sẽ được hỗ trợ tiền ăn; khi khám và điều trị đúng tuyến sẽ được hỗ trợ một phần chi phí tiền thuốc, cụ thể như sau:

- Đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 1, 2, 3 Điều 3: Hỗ trợ theo mức 1.

- Đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 4, 5 Điều 3: Hỗ trợ theo mức 2.

- Đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 6 Điều 3: Hỗ trợ theo mức 3.

- Đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 7, 8, 9 Điều 3: Hỗ trợ theo mức 4.

2. Nguồn kinh phí: Ngân sách Tỉnh bảo đảm.

Điều 7. Hỗ trợ điều trị bệnh hiểm nghèo

1. Đối tượng:

Các đối tượng tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 3 khi bị bệnh hiểm nghèo, bệnh phải điều trị kỹ thuật cao, chi phí cao, bệnh nặng phải điều trị lâu dài, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, sử dụng thuốc đặc trị theo chỉ định của chuyên khoa, điều trị đúng tuyến thì được xem xét hỗ trợ chi phí điều trị.

2. Mức hỗ trợ:

- Đối tượng tại khoản 1 Điều 3: Thực hiện theo Quy định số 32-QĐ/TW, ngày 25/12/2006 và Quyết định số 20-QĐ/TW, ngày 13/7/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh đối với cán bộ cao cấp hoặc các quy định hiện hành khác.

- Các đối tượng nêu tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 3 thì ngoài chi phí được Bảo hiểm Y tế thanh toán, được hỗ trợ như sau: nếu chi phí từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở xuống được hỗ trợ theo thực chi; nếu chi phí trên 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) thì phần chi vượt sẽ được hỗ trợ 50%. Tùy từng trường hợp Thường trực Tỉnh ủy sẽ xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể, nhưng tổng mức hỗ trợ cho một người trên một lần điều trị không quá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và hỗ trợ cho một người không quá 02 lần/năm.

3. Hồ sơ, thủ tục xét hỗ trợ chi phí điều trị bệnh:

- Đơn đề nghị của bệnh nhân (hoặc vợ, chồng, con của bệnh nhân), có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị (đối với cán bộ, đương chức), của đảng ủy xã, phường, thị trấn nơi cư trú (đối với cán bộ nghỉ hưu).

- Bản chính hoặc bản photocopy các hóa đơn, chứng từ của bệnh viện nơi điều trị.

- Hồ sơ gửi về Ban BVCSSK cán bộ tỉnh để phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định, trình Thường trực Tỉnh ủy xét, hỗ trợ từng trường hợp cụ thể.

- Trường hợp đặc biệt do Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể.

4. Nguồn kinh phí: Chi từ quỹ dự trữ ngân sách Tỉnh ủy.

Điều 8. Thăm bệnh

1. Mức thăm bệnh khi điều trị ngoại trú:

- Đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 1, 2, 3 Điều 3: thăm theo mức 1.

- Đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 4, 5 Điều 3: thăm theo mức 2.

- Đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 6 Điều 3: thăm theo mức 3.

- Đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 7, 8, 9 Điều 3: thăm theo mức 4.

2. Mức thăm bệnh khi điều trị nội trú từ 7 ngày trở lên:

- Đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 1, 2, 3 Điều 3: thăm theo mức 1.

- Đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 4, 5 Điều 3: thăm theo mức 2.

- Đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 6 Điều 3: thăm theo mức 3.

- Đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 7, 8, 9 Điều 3: thăm theo mức 4.

3. Phân công.

3.1. Ban BVCSSK cán bộ Tỉnh thực hiện thăm ốm đối với cán bộ điều trị ngoại trú.

3.2. Khi cán bộ phải nhập viện điều trị nội trú tại các bệnh viện, do các đơn vị được phân công đi thăm. Cụ thể:

- Đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 1, 2 Điều 3 và đương chức tại khoản 3,4,5 Điều 3 do Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND-

UBND Tỉnh đi thăm. Trường hợp do bận công việc thì ủy nhiệm cho Lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy đi thăm.

- Đối tượng nguyên chức tại khoản 3, 4, 5 và đương chức tại khoản 6 Điều 3 do Lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Lãnh đạo Sở Nội vụ đi thăm. Trường hợp do bận công việc thì ủy nhiệm cho lãnh đạo cơ quan, địa phương nơi cán bộ đang công tác hoặc nơi công tác trước khi nghỉ hưu đi thăm.

- Đối tượng nguyên chức tại khoản 6 do lãnh đạo cơ quan, địa phương nơi cán bộ công tác trước khi nghỉ hưu đi thăm.

- Đối tượng đương chức và nguyên chức tại khoản 7, 8, 9 do lãnh đạo cơ quan, Ban Thường vụ cấp huyện nơi cán bộ công tác, cư trú đi thăm.

4. Nguồn kinh phí: Chi từ ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách. Trường hợp lãnh đạo Tỉnh đi thăm từ quỹ dự trữ của ngân sách Tỉnh ủy thì do Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định mức chi cụ thể.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh và các Ban BVCSSK cán bộ cấp huyện lập Kế hoạch dự trù kinh phí hoạt động hàng năm. Đồng thời tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho cán bộ và các đối tượng chính sách theo phân cấp quản lý.

2. Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh có trách nhiệm:

- Thực hiện mức chi hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định đồng thời theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này, định kỳ 6 tháng, năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND Tỉnh về kết quả thực hiện./

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn các Ban BVCSSK cán bộ cấp huyện xây dựng Quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Ban để trình Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp quyết định ban hành để tổ chức thực hiện.

- Phối hợp với Bệnh viện Đa khoa Tỉnh tổ chức tổ y tế, phương tiện, thuốc men, dụng cụ... để phục vụ chăm sóc tại nhà đối với một số trường hợp cán bộ bệnh nặng, hấp hối theo yêu cầu của Thường trực Tỉnh ủy.

- Tham mưu chế độ phụ cấp cho cán bộ y tế trực tiếp làm công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tại các bệnh viện tuyến tỉnh, các Ban BVCSSK cán bộ cấp huyện trình Ủy ban Nhân dân Tỉnh xem xét để thực hiện.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì:

- Ban hành các danh mục thuộc các nhóm đối tượng theo Quy định tại Điều 3 của quy định này.

- Phối hợp với Ban BVCSSK cán bộ Tỉnh và các Ban BVCSSK cán bộ cấp huyện rà soát, tổ chức việc cấp thẻ mới, cấp đổi thẻ. Định hướng cấp thẻ có thời hạn để quản lý tốt đối tượng và không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ.

- Phối hợp các cấp, các ngành liên quan thường xuyên theo dõi sức khỏe cán bộ chủ chốt của Tỉnh, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, kịp thời thăm hỏi hoặc tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy thăm hỏi khi cán bộ có bệnh phải nhập viện điều trị, đồng thời xem xét giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách đối với cán bộ theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện quy định này nếu có vấn đề chưa phù hợp hoặc có những vấn đề phát sinh cần bổ sung, sửa đổi, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh để được hướng dẫn thực hiện hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

PHỤ LỤC

Các mức hỗ trợ điều trị bệnh, điều trị bệnh hiểm nghèo, thăm bệnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 209/QĐ/TU, ngày 22/7/2016
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Mức hỗ trợ điều trị bệnh

Mức 1:

- Hỗ trợ 100% tiền thuốc ngoài BHYT (nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng/tháng).
- Tiền ăn khi nằm điều trị nội trú: lương tối thiểu x 0,2/ngày điều trị.

Mức 2:

- Hỗ trợ 75% tiền thuốc ngoài BHYT (nhưng tối đa không quá 5.000.000 đồng/tháng).
- Tiền ăn khi nằm điều trị nội trú: lương tối thiểu x 0,15 /ngày điều trị.

Mức 3:

- Hỗ trợ 50% tiền thuốc ngoài BHYT (nhưng tối đa không quá 3.000.000 đồng/tháng).
- Tiền ăn khi nằm điều trị nội trú: lương tối thiểu x 0,1/ngày điều trị.

Mức 4:

- Hỗ trợ 30% tiền thuốc ngoài BHYT (nhưng tối đa không quá 2.000.000 đồng/tháng).
- Tiền ăn khi nằm điều trị nội trú: lương tối thiểu x 0,075/ngày điều trị.

II. Mức thăm bệnh khi điều trị ngoại trú

- Mức 1: lương tối thiểu x 1
- Mức 2: lương tối thiểu x 0,75
- Mức 3: lương tối thiểu x 0,5
- Mức 4: lương tối thiểu x 0,3

III. Mức thăm bệnh khi phải điều trị nội trú từ 7 ngày trở lên.

- Mức 1: 4.000.000 đồng/ lần (bốn triệu đồng)
- Mức 2: 3.000.000 đồng/ lần (ba triệu đồng)
- Mức 3: 2.000.000 đồng/ lần (hai triệu đồng)
- Mức 4: 1.500.000 đồng/ lần (một triệu năm trăm ngàn đồng)